

Ngày 15/04/2021 tại Hà Nội, Bộ Y tế đã tổ chức Hội nghị công bố kết quả Tổng điều tra dinh dưỡng toàn quốc 2017 – 2020. Đồng chí Đỗ Xuân Tuyên, Thứ trưởng Bộ Y tế dự và phát biểu tại Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có bà Rana Flower, Trưởng đại diện UNICEF kiêm quyền Trưởng đại diện FAO tại Việt Nam; đại diện Lãnh đạo và chuyên viên các Cục/Vụ/Văn phòng thuộc Bộ Y tế; đại diện các Bộ, Ban, Ngành, các Viện nghiên cứu, và các Tổ chức quốc tế: Quỹ nhi đồng liên hợp quốc (UNICEF), Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), tổ chức Y tế thế giới (WHO), cùng đông đảo các phóng viên đài, báo, truyền hình đến tham dự và đưa tin.



*Đồng chí Đỗ Xuân Tuyên, Thứ trưởng Bộ Y tế phát biểu tại Hội nghị*

Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Đỗ Xuân Tuyên, Thứ trưởng Bộ Y tế cho biết: Tổng điều tra Dinh dưỡng toàn quốc được tiến hành thường kỳ 10 năm một lần. Năm 2019, Tổng điều tra Dinh dưỡng được tiến hành ngay sau cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở lần thứ 5 (tháng 4/2019).

Cuộc Tổng điều tra Dinh dưỡng toàn quốc được Viện Dinh dưỡng quốc gia (Bộ Y tế) triển khai phối hợp với Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và được sự hỗ trợ của nhiều tổ chức quốc tế như UNICEF, FAO, WHO, World Bank, IGN, CDC (Hoa Kỳ), Institute of Research Development (Pháp), FHI 360 / FHI Solutions (Intake, Alive & Thrive), Dự án INDDEX-Đại học Tufts (Hoa Kỳ).

Thứ trưởng Bộ Y tế Đỗ Xuân Tuyên nhấn mạnh: “Tổng điều tra Dinh dưỡng lần này có quy mô lớn nhất từ trước đến nay ở phạm vi quốc gia với sự tham gia của 22.400 hộ gia đình tại 25 tỉnh thành phố đại diện cho 6 vùng sinh thái, thực hiện thu thập đồng thời các chỉ số về nhân trắc, vi chất dinh dưỡng, khẩu phần ăn cá thể, cũng như thông tin về an ninh lương thực và an toàn vệ sinh thực phẩm”.



*Bà Rana Flower, Trưởng đại diện UNICEF kiêm quyền Trưởng đại diện FAO tại Việt Nam phát biểu tại Hội nghị*

Phát biểu tại Hội nghị, bà Rana Flower, Trưởng đại diện UNICEF kiêm quyền Trưởng đại diện FAO tại Việt Nam nhận định: Việt Nam đang đối mặt với

gánh nặng gấp ba về dinh dưỡng gồm suy dinh dưỡng thấp còi, thừa cân béo phì và thiếu vi chất dinh dưỡng.

Cuộc Tổng điều tra là nguồn dữ liệu phong phú về độ tuổi, giới tính, dân tộc, khu vực địa lý và tình trạng kinh tế xã hội có thể giúp đảm bảo chiến lược mới nhắm mục tiêu đến những trẻ em và các cộng đồng có nguy cơ tụt lại phía sau tiến bộ chung. Kết quả tổng điều tra cho thấy phải có các can thiệp ở mức khẩn cấp, cần rà soát, cải tiến các cách tiếp cận.

Các kết quả cũng giúp xác định các điểm ưu tiên, thiết kế các can thiệp, lập ngân sách cho việc thực hiện ở cấp trung ương và cấp tỉnh, các khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nguyên cũng như vùng dân tộc thiểu số sẽ cần được ưu tiên quan tâm đầu tư.



*GS. TS. Lê Danh Tuyên – Viện trưởng Viện Dinh dưỡng quốc gia phát biểu tại Hội nghị*

Đánh giá chung về vai trò quan trọng những kết quả của cuộc tổng điều tra, GS. TS. Lê Danh Tuyên – Viện trưởng Viện Dinh dưỡng quốc gia đã khẳng định: Cuộc Tổng điều tra Dinh dưỡng toàn quốc lần này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đánh giá các Mục tiêu của Chiến lược Quốc gia về Dinh

dưỡng, giai đoạn 2011-2020 và đưa ra các bằng chứng khoa học nhằm phục vụ cho việc soạn thảo Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng trong giai đoạn tiếp theo.



*Quang cảnh Hội nghị*

Một số kết quả chính của Tổng điều tra Dinh dưỡng toàn quốc (2018- 2020) đã được công bố tại Hội nghị như sau:

#### 1. Khẩu phần ăn của người dân năm 2020

Năng lượng trung bình trong khẩu phần đạt 2023kcal/người/ngày, tăng nhẹ so với mức năng lượng 1925kcal/ người/ngày năm 2010. Cơ cấu sinh năng lượng từ Protein, lipid, và Glucid (2020) là: 15,8%: 20,2%: 64,0% (% so với tổng năng lượng ăn vào), cơ cấu này được coi là cân đối theo khuyến nghị cho người Việt Nam (2016).

Mức ăn rau quả của người dân đã tăng bình quân đầu người từ 190,4g rau/người/ngày; 60,9g quả chín/người/ngày (2010) lên thành 231,0g

rau/người/ngày; 140,7g quả chín/người/ngày (2020); Mức tiêu thụ rau quả mới chỉ đạt khoảng 66,4% - 77,4% so với nhu cầu khuyến nghị của Tháp Dinh dưỡng cho người trưởng thành;

Mức tiêu thụ thịt tăng nhanh; từ 84,0g/người/ngày (là mức tiêu thụ thịt bình quân trên toàn quốc vào năm 2010) tăng lên 136,4g/người/ngày (năm 2020); khu vực thành phố tiêu thụ cao hơn, ở mức 155,3g/người/ngày (năm 2020).

Mức tiêu thụ gạo có xu hướng giảm. Tại các trường học ở thành phố có xu hướng tăng tiêu thụ các loại nước ngọt và thức ăn nhanh.

2. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi (chiều cao/tuổi) ở trẻ em dưới 5 tuổi  
Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi (chiều cao/tuổi) ở trẻ em dưới 5 tuổi trên toàn quốc 19,6% - mức <20% - được xếp vào mức TRUNG BÌNH theo phân loại của Tổ chức Y tế thế giới. Như vậy, tiếp nối kỳ tích giảm suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em <5 tuổi xuống còn 19,9% vào năm 2008 (tức là Việt Nam đã về đích trước 7 năm so với chỉ tiêu mà Mục tiêu Thiên niên kỷ - MDGs - đặt ra đến năm 2015), thì đến nay Việt Nam đang trên đà đạt được Mục tiêu Dinh dưỡng toàn cầu (giảm 40% SDD thấp còi trẻ em đến năm 2025). Tuy nhiên, vẫn còn sự chênh lệch giữa các vùng miền về tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi; ở các vùng nông thôn và miền núi tỷ lệ này còn ở mức cao.

3. Tình trạng dinh dưỡng trẻ em tuổi học đường 5 - 19 tuổi

Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em tuổi học đường (5 - 19 tuổi) còn 14,8% (năm 2010 tỷ lệ này là 23,4%). Rất đáng lưu ý là tỷ lệ thừa cân, béo phì tăng từ 8,5% năm 2010 lên thành 19,0% năm 2020, trong đó tỷ lệ thừa cân béo phì khu vực thành thị là 26,8%, nông thôn là 18,3% và miền núi là 6,9%.

4. Chiều cao đạt được của thanh niên Việt Nam

Đã có sự thay đổi mạnh ở nhóm thanh niên nam 18 tuổi năm 2020 đạt 168,1cm (tăng 3,7cm so với năm 2010: 164,4cm), nữ năm 2020 đạt 156,2cm (năm 2010: 154,8cm).

5. Tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng

Đã có sự cải thiện rõ rệt, tỷ lệ thiếu vitamin A tiền lâm sàng và thiếu máu đã ở mức nhẹ về ý nghĩa sức khỏe cộng đồng (riêng phụ nữ có thai tỷ lệ thiếu máu ở mức trung bình). Giảm tỷ lệ thiếu vitamin A tiền lâm sàng ở trẻ em 6-59

tháng (2010 - 2020). Nhưng tình trạng thiếu kẽm vẫn còn cao, nhất là ở đối tượng có nguy cơ cao (trẻ em; bà mẹ...).

Về thiếu kẽm: Trên toàn quốc, tỷ lệ thiếu kẽm ở trẻ em 6-59 tháng tuổi giảm xuống 58,0%, ở phụ nữ có thai giảm xuống 63,5% nhưng vẫn ở mức ý nghĩa sức khỏe cộng đồng nặng theo đánh giá của Tổ chức Y tế thế giới. Tỷ lệ này vẫn còn rất cao đối với trẻ em 6-59 tháng tuổi ở miền núi phía Bắc (67,7%) và Tây Nguyên (66,6%) và còn cao hơn đối tượng phụ nữ có thai ở miền núi phía Bắc (81,9%) và Tây Nguyên (63,9%). Đặc biệt ở khu vực thành phố 5 năm qua (2015-2020) tỷ lệ thiếu kẽm ở trẻ em 6-59 tháng tuổi mức nặng về ý nghĩa sức khỏe cộng đồng (49,6%) và hầu như không cải thiện. Điều này cho thấy, tỷ lệ thiếu vi chất dinh dưỡng mức nặng về ý nghĩa sức khỏe cộng đồng có thể giảm xuống song song với mức cải thiện điều kiện kinh tế xã hội (khu vực miền núi và Tây Nguyên), nhưng nếu không có các can thiệp đặc hiệu thì khó có thể giảm tiếp xuống mức trung bình về ý nghĩa sức khỏe cộng đồng (như ví dụ ở khu vực thành phố)

Về thiếu Vitamin A: Tỷ lệ thiếu vitamin A tiền lâm sàng ở nhóm trẻ 6-59 tháng tuổi trên cả nước giảm xuống ở mức YNCD nhẹ (9,5%), tỷ lệ này vẫn cao nhất ở khu vực Miền núi phía Bắc (13,8%) và Tây nguyên (11,0%). Tỷ lệ thiếu vitamin A tiền lâm sàng trẻ em 5-9 tuổi (4,9%) ở mức nhẹ về ý nghĩa sức khỏe cộng đồng theo đánh giá của Tổ chức Y tế Thế giới, Can thiệp uống viên nang vitamin A liều cao đã được triển khai nhiều thập kỷ qua nhưng tỷ lệ thiếu vitamin A tiền lâm sàng ở trẻ em 6-59 tháng tuổi vẫn còn ở mức nhẹ và giảm chậm trong những năm gần đây. Điều này cho thấy cần có can thiệp hỗ trợ mang tính trung hạn và dài hạn để duy trì thành tích đã đạt được và thanh toán tình trạng thiếu vitamin A tiền lâm sàng. Tỷ lệ thiếu vitamin A tiền lâm sàng ở trẻ em có thể nặng thêm nếu dừng hoàn toàn chương trình uống vitamin A liều cao trên toàn quốc

Về thiếu máu: Tỷ lệ thiếu máu ở nhóm trẻ 6-59 tháng trên cả nước giảm xuống ở mức YNCD nhẹ 19,6%, tỷ lệ này vẫn cao nhất ở miền núi phía bắc (23,4%) và Tây nguyên (26,3%); Tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em 5-9 tuổi (9,2%); ở trẻ em 10-14 tuổi (8,4%), đều ở mức có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng nhẹ theo đánh giá của Tổ chức Y tế Thế giới.

## 6. Tỷ lệ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu

Có sự cải thiện đáng kể, tăng từ 19,6% (năm 2010) lên 45,4% (năm 2020); trong đó ở khu vực thành thị tỷ lệ này là 55,7%, nông thôn là 40,3% và nông thôn miền núi là 42,7%.

- [benh sui mao ga](#)
- [thuoc tri benh sui mao ga](#)
- [thuoc chua benh sui mao ga cua thai lan](#)
- [thuoc tri benh sui mao ga giai doan dau](#)
- [podophyllin](#)
- [cach tri benh sui mao ga](#)
- [thuoc podophyllin](#)
- [toi da khoi sui mao ga](#)
- [da co ai khoi sui mao ga](#)
- [cach chua benh sui mao ga](#)
- [chua benh sui mao ga hau mon](#)
- [thuoc chua benh sui mao ga](#)
- [podophylin 25 tai ha noi](#)
- [podophyllin 25 o tphcm](#)
- [benh sui mao ga o ranh quy dau](#)
- [podophyllin 25](#)
- [thuoc tri benh sui mao ga o nu](#)
- [chua sui mao ga o benh vien](#)
- [thuoc tri benh sui mao ga giai doan dau](#)
- [thuoc tri sui mao ga](#)
- [thuoc tri sui mao ga](#)
- [meo tri sui mao ga](#)

- [tri bệnh suy mao ga bang khoai tay](#)
- [thuoc tri bệnh suy mao ga o mieng](#)
- [tri suy mao ga o phu nu](#)
- [nha thuoc binh tam](#)
- [tri mun coc](#)
- [imiquimod](#)
- [chong bi suy mao ga](#)
- [chua suy mao ga duong vat](#)
- [dot suy mao ga](#)
- [chua suy mao ga bao lau thi khoi](#)
- [chua bệnh suy mao ga bang la trau khong](#)
- [acid trichloracetic 80](#)
- [chi phi dot bệnh suy mao ga](#)
- [suy mao ga hau mon](#)
- [suy mao ga vung kin](#)
- [thuoc khang virus](#)
- [suy mao ga nen dot hay boi thuoc](#)
- [suy mao ga co tu cung](#)
- [suy mao ga o vung kin nu](#)
- [chua suy mao ga o am vat](#)
- [hinh anh suy mao ga co tu cung](#)
- [hinh anh suy mao ga](#)
- [chua suy mao ga o duong vat](#)



- [sui mao ga kieng gi](#)
- [chua sui mao ga bang la tia to](#)
- [chua benh sui mao ga bang toi](#)
- [kinh nghiem chua sui mao ga](#)
- [thuoc khang sinh tri sui mao ga](#)
- [mua thuoc podophyllin 25 o dau](#)
- [thuoc boi sau sinh dot sui mao ga](#)
- [sui mao ga giai doan dau](#)
- [acid trichloracetic 80](#)
- [thuoc dermovate](#)
- [mun coc o chan](#)
- [benh sui mao ga co de chua khong](#)
- [hinh anh sui mao ga](#)
- [hinh anh sui mao ga](#)
- [benh sui mao ga nhe](#)
- [sui mao ga hau mon](#)
- [hinh anh sui mao ga o cuong luoi](#)
- [thoi gian u benh sui mao ga](#)

## 7. Kiến thức, thực hành về an toàn thực phẩm

Tỷ lệ người dân có hiểu biết và thực hành đúng về an toàn thực phẩm có cải thiện rõ rệt: 35,8% số người trả lời có kiến thức tốt; 55,6% có kiến thức trung bình và chỉ 8,6% có kiến thức kém. Về xử lý ngộ độc thực phẩm: 78,0% số người trả lời lựa chọn đưa người bệnh đến cơ sở y tế để điều trị so với 44,9% năm 2010; tỷ lệ người dân được tiếp cận với nguồn thông tin chính thống về ATTP cũng tăng gấp hai lần so với điều tra năm 2010./.

